



BẢN HIẾN PHÁP THỨ 7 CỦA VIỆT NAM

**- Dự thảo bởi Nhân dân Việt Nam-
Năm Hùng Vương 4888
2009 Tây Lịch**

Chúng tôi, Nhân dân Việt Nam,

**thành lập và ban hành Bản Hiến pháp Thứ Bảy
của Việt Nam**

vào năm Hùng Vương 4888, tức năm 2009 Tây lịch, như sau:

- Tổ quốc Việt Nam, được Vua Hùng Vương Thứ Nhất thuộc Triều đại Hồng Bàng dựng nên vào năm 2879 trước Công nguyên, từ nay trở đi sẽ cung cấp các điều kiện sống tốt nhất có thể được cho số đông nhất trong dân chúng Việt Nam thông qua việc chia sẻ quyền hành và trách nhiệm một cách công bằng nhất.
- Bản Hiến pháp Thứ Bảy này nhấn mạnh việc bảo vệ nhân phẩm và nhân quyền, điều hành tự do một cách chuẩn mực, và tạo điều kiện cho các sự tăng trưởng một cách hòa bình trong mọi lãnh vực đời sống.
- Không một bản Hiến pháp nào tự bản chất có thể luôn luôn cung cấp mọi ước vọng cho mọi người dân. Vì vậy, nhân dân Việt Nam quyết định sẽ công hiến, xây dựng, gìn giữ, và đề cao Bản Hiến pháp Thứ Bảy này, cũng như sẽ sửa đổi trong tương lai khi gặp phải những hoàn cảnh mới lạ chưa từng xảy ra.



- Quá trình này sẽ là một sự tăng tiến về văn minh, xã hội có tính lịch sử, một quá trình sẽ bảo đảm để chúng ta được tự do thụ hưởng các thành quả của công sức, mồ hôi đổ ra, của di sản văn hóa mà tiền nhân đã để lại cho chúng ta sau nhiều ngàn năm hy sinh công hiến.
- Chúng ta sẽ tiếp tục cống hiến vào tiến trình này một cách dứt khoát. Chúng ta nhận thức rằng chúng ta có các nghĩa vụ đạo đức, quốc gia, và quốc tế phải làm như vậy.
- Trong khi chúng ta viết lên các hàng chữ này của Bản Hiến pháp Thứ Bảy, chúng ta hình dung trước mắt cả lịch sử quá khứ, hiện tại, và tương lai của Tổ quốc.
- Chúng ta thấy trước mắt chúng ta vị Vua Hùng Vương Thứ Nhất kính mến đã thống nhất nhiều bộ lạc sống rải rác và lập lên nền Văn minh Hồng Bàng khoảng 4888 năm trước. Trống Đồng Ngọc Lũ của chúng ta, như một phiên bản được in ra trên đây, đã được minh chứng một cách dứt khoát và khoa học rằng đã có tuổi hơn 4000 năm.
- Chúng ta thấy trước mắt chúng ta nhiều thế hệ tiền nhân này theo sau nhiều thế hệ tiền nhân khác đã ngã xuống trong các trận chiến tranh, trong các sự khắc nghiệt của thiên nhiên, để chúng ta có thể đứng vững, đứng thẳng và kiêu hùng, như một dân tộc Con Rồng Cháu Tiên.

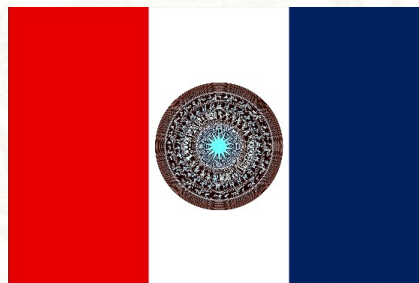
- Trên nền tảng của Bản Hiến pháp này, chúng ta sẽ dựng nên Tổ quốc theo những phương cách sẽ làm ông cha chúng ta phải hãnh diện vì chúng ta.
- Chúng ta thấy trước mắt chúng ta tương lai của Việt Nam, một tương lai hòa bình, thịnh vượng, tự do, và công bằng cho mọi người – nơi chúng ta sẽ vĩnh viễn tự do quyết định đường hướng cho cuộc sống chúng ta, và sẽ chịu trách nhiệm toàn diện cho các sự chọn lựa để chúng ta đạt được điều đó.
- Chúng ta sẽ sống trong tự do chứ không phải trong sợ hãi. Chúng ta sẽ bầu lên các chính phủ phục vụ cho chúng ta, chứ không phải các chính phủ đặt chúng ta vào vòng nô lệ.
- Vì những điều trên đây, Nhân dân Việt Nam lập nên Bản Hiến pháp này, Bản Hiến pháp Thứ Bảy của Việt Nam sẽ lấy ước vọng của Nhân dân Việt Nam làm điều luật cao nhất của quốc gia, hủy bỏ đi tất cả mọi bạo lực và hình sự hóa ra khỏi các cuộc tranh luận chính trị và khác biệt lý tưởng trong ôn hòa, dựng nên chính phủ của Nhân dân Việt Nam qua các cuộc Tổng Tuyển cử và Trưng cầu Dân ý, qua Tam quyền Phân lập giữa Tư pháp, Lập pháp, và Hành pháp trong Chính phủ.
- Vì những điều trên đây, Chúng tôi, Nhân dân Việt Nam, đồng ý và công bố các chương, điều, khoản, như sau:

TIỀN ĐỀ

ĐIỀU 1: Việt Nam sẽ là một quốc gia có Nền Cộng hòa Dân chủ, xã hội, không thể chia cắt, không có quốc giáo. Nền Cộng hòa Dân chủ sẽ bảo đảm quyền bình đẳng của mọi công dân trước pháp luật bất kể tuổi tác, xuất thân, dân tộc, giới tính hoặc tôn giáo. Nền Cộng hòa Dân chủ sẽ tổ chức và phân bổ quyền hành xuống địa phương.

ĐIỀU 2: Bản quốc ca sẽ là bài "Việt Nam, Việt Nam".

ĐIỀU 3: Quốc kỳ sẽ có ba sọc đỏ, trắng, xanh dương theo chiều thẳng đứng, với Trống Đồng Ngọc Lũ màu đồng tại trung tâm, trên nền sọc trắng. Ba màu sọc từ trái sang phải tượng trưng cho Tự do, Sự thật, và Bình đẳng. Trống Đồng Ngọc Lũ, đại diện các giá trị tâm linh của dân tộc ta, nằm tại trung tâm điểm của mọi việc.



ĐIỀU 4: Quốc ngữ sẽ là Việt ngữ và Anh ngữ. Tất cả mọi hoạt động và văn bản chính thức đều bằng hai ngôn ngữ Việt-Anh, không thiên vị ngôn ngữ nào.

ĐIỀU 5: Tôn chỉ của Việt Nam sẽ là: Tự do, Bình đẳng, và Sự thật.

ĐIỀU 6: Ba nguyên tắc căn bản nhất của Việt Nam:

Phần 1: Ý muốn của đa số nhân dân, được đại diện bởi Bản Hiến pháp, sẽ là Luật Tối thượng của quốc gia.

Phần 2: Chính phủ sẽ từ nhân dân, bởi nhân dân, và vì nhân dân.

Phần 3: Các cuộc vận động chính trị sẽ hoàn toàn bất bạo động và không hình sự hóa các lý tưởng khác biệt.

ĐIỀU 7: Tất cả Tam quyền trong chính phủ đều phải tuân thủ Bản Hiến pháp trong tất cả mọi nhiệm vụ, không có ngoại lệ.

ĐIỀU 8: Chỉ một đa số trong các vị Thượng Thẩm phán tại Tối cao Pháp viện mới có thể phán định rằng một điều luật nào đó là không hợp hiến.

ĐIỀU 9: Các đảng chính trị được tự do thành lập miễn được tổ chức theo các quy định của Bản Hiến pháp Thứ Bảy này.

- ĐIỀU 10:** Quyền lực chính trị phải do nhân dân nắm giữ, và nhân dân có thể sử dụng quyền lực này bằng cách bầu ra các đại diện, và qua các cuộc trưng cầu dân ý.
- ĐIỀU 11:** Bầu cử sẽ trực tiếp, phổ thông, bình đẳng, và trong sự kín đáo.
- ĐIỀU 12:** Tất cả mọi công dân Việt Nam trên toàn thế giới, ít nhất 18 tuổi, và có quyền công dân hợp lệ, đều có quyền bỏ phiếu trong tất cả mọi cuộc bầu cử trong thành phố mà người đó ghi danh tại Việt Nam.
- ĐIỀU 13:** Quyền lực chính trị sẽ bao gồm mọi thành phần và đa phương. Không một đảng chính trị nào có quyền ngăn cấm một đảng chính trị khác tham gia vào tiến trình dân chủ trong khi đảng chính trị kia tuân thủ luật pháp đầy đủ.
- ĐIỀU 14:** Việt Nam sẽ tuân thủ Bản Thỏa ước Nhân quyền do Liên Hiệp Quốc thông qua, lần hiệu đính gần đây nhất vào năm 1997.
- ĐIỀU 15:** Mọi hình thức cờ bạc sẽ bị nghiêm cấm. Mọi thỏa thuận và tham gia vào việc này tại Việt Nam trước khi Bản Hiến pháp này được chấp thuận đều sẽ bị hủy bỏ.

ĐIỀU 16: Không một viên chức chính phủ nào sẽ bị truy tố dưới bất cứ hình thức nào nếu người đó chẳng qua chỉ thi hành nhiệm vụ chính phủ.

ĐIỀU 17: Mọi viên chức chính phủ được bầu lên đều không thể bị truy tố dân sự khi đang trong thời hạn nhiệm chức. Mọi quy chế giới hạn thời gian có thể bị truy tố sẽ được tạm ngưng trong thời gian người này còn nhiệm chức.

ĐIỀU 18: Mọi quy chế giới hạn thời gian có thể bị truy tố và mọi truy tố dân sự trong Điều 17 kê trên sẽ được tái lập chống lại nhân viên chính phủ được bầu lên, một tháng sau khi người này thôi chức vụ.

ĐIỀU 19: Không có hồi tố cá nhân, truy thu, hoặc tái phân phối tài sản, bất cứ viên chức hiện tại hay trước đây của bất cứ mọi chính phủ nào từng hiện diện trước khi Bản Hiến pháp này được phê chuẩn.

ĐIỀU 20: Trong 20 năm sau khi Bản Hiến pháp này được phê chuẩn, sẽ không có bất cứ lời nói hoặc hành động nào có ý nghĩa bất hảo chống lại bất cứ viên chức hiện tại hay trước đây của bất cứ chính phủ nào từng hiện hữu trước khi Bản Hiến pháp này được phê chuẩn.

CHƯƠNG I: BẢN TUYÊN NGÔN NHÂN QUYỀN CHO VIỆT NAM

ĐIỀU 1: TỰ DO NGÔN LUẬN

- Phần 1:** Mọi người đều có quyền tự do ngôn luận, tự do bày tỏ ý kiến riêng họ và của người khác bằng mọi phương tiện truyền thông, bằng hội họp, bằng biểu tình, miễn không vi phạm quyền bảo vệ cá nhân của người khác, và không vi phạm các điều khoản luật lệ khác.
- Phần 2:** Quốc hội không được cấm bất cứ tôn giáo nào sử dụng quyền tự do ngôn luận, miễn là các tôn giáo này giới hạn phạm vi hoạt động của họ tại các nơi thờ phụng được định trước.
- Phần 3:** Quốc hội phải thông qua các điều luật định nghĩa giới hạn cần thiết của tự do ngôn luận để bảo vệ, bao gồm nhưng không hạn chế, các vấn đề như an ninh quốc phòng, văn hóa, trẻ vị thành niên, kỹ thuật đặc quyền.

Phần 4: Hành pháp không được thành lập truyền thống đại chúng của riêng mình, và tỏ sự thiện vị trong bất cứ ngành nào của nền truyền thông đại chúng từ bất cứ nguồn gốc nào.

ĐIỀU 2: BẢO VỆ NHÂN PHẨM

Phần 1: Không ai tại Việt Nam được phép kết thúc đời sống của một người khác. Không có bản án tử hình cho bất cứ trọng tội nào.

Phần 2: Chính phủ phải cung cấp lương thực căn bản và nơi tạm trú cho mọi người dân nào do bệnh tật hoặc nghèo khó mà không có nơi nương tựa và không có thực phẩm.

Phần 3: Ít nhất 20% ngân sách quốc gia và thành phố phải được chi dụng vào an sinh xã hội.

Phần 4: Ít nhất 20% ngân sách quốc gia và thành phố phải được chi dụng vào y tế và các ngành liên quan.

ĐIỀU 3: QUYỀN TỰ DO VÀ BẦU CỬ

Phần 1: Mọi công dân Việt Nam bằng hoặc trên 18 tuổi có quyền công dân hợp pháp đều có quyền đi bầu và quyền này phải được tôn trọng toàn vẹn bởi chính phủ quốc gia và thành phố.

Phần 2: Mọi người đều có quyền tự do phát triển cá tính của mình miễn là không vi phạm các quyền lợi của người khác, không vi hiến, và không vi phạm các tiêu chuẩn đạo đức.

ĐIỀU 4: BÌNH ĐẲNG TRƯỚC PHÁP LUẬT

Phần 1: Mọi người đều bình đẳng trước pháp luật.

Phần 2: Nam nữ bình quyền.

Phần 3: Không ai có thể bị đối xử xấu hoặc tốt hơn thường lệ vì lý do giới tính, thành phần gia đình, chủng tộc, sắc tộc, ngôn ngữ, xuất thân từ quốc gia nào, đức tin, tôn giáo, hoặc tư tưởng chính trị.

ĐIỀU 5: TỰ DO TÍN NGƯỠNG, LƯƠNG TÂM, VÀ TÔN GIÁO

Phần 1: Quyền tự do tín ngưỡng, lương tâm, và tôn giáo đều bất khả xâm phạm.

Phần 2: Không ai từ 18 tuổi trở lên có thể bị ép buộc làm việc gì trái lương tâm của họ.

ĐIỀU 6: TỰ DO HỌC HỎI

Phần 1: Toàn bộ nền giáo dục do chính phủ quốc gia quản trị.

Phần 2: Giáo dục từ mẫu giáo đến lớp 9 hoàn toàn miễn phí và bắt buộc.

Phần 3: Giáo dục về các tín điều tôn giáo và lý tưởng chính trị đều tùy ý học sinh chọn lựa và không được chi trả bởi ngân sách quốc gia và thành phố.

Phần 4: Không học sinh nào được thiên vị hoặc bị có thành kiến vì đức tin tôn giáo hoặc khuynh hướng chính trị.

Phần 5: Ít nhất 20% ngân quỹ quốc gia và thành phố phải được chi dụng vào giáo dục.

ĐIỀU 7: TỰ DO HỘI HỢP

- Phần 1:** Tất cả người Việt Nam đều được quyền hội họp riêng tư yên ổn, không cần xin phép chính phủ quốc gia và thành phố.
- Phần 2:** Mọi sự hội họp tôn giáo đều được tự do tổ chức, nhưng chỉ trong các khu vực thờ phụng.
- Phần 3:** Các cuộc biểu tình tôn giáo tại nơi công cộng đều bị tuyệt đối nghiêm cấm.
- Phần 4:** Các cuộc biểu tình chính trị ôn hòa đều được tự do tổ chức, nhưng phải xin phép chính quyền địa phương trước 7 ngày, và được cho phép 3 ngày trước khi xảy ra.
- Phần 5:** Trong mọi cuộc hội họp, tất cả mọi điều luật, bao gồm nhưng không hạn định các điều như an ninh công cộng, phòng chống hỏa hoạn, giao thông đường phố, tiêu chuẩn đạo đức, quyền tự bảo vệ nhân phẩm, đều phải được tôn trọng.

ĐIỀU 8: TỰ DO DI CHUYỂN

Phần 1: Tất cả mọi người Việt Nam đều có quyền thăm viếng và cư ngụ mọi nơi tại Việt Nam, không cần xin phép chính phủ quốc gia và thành phố.

Phần 2: Quyền di chuyển bị hạn chế chỉ trong trường hợp theo các điều khoản luật pháp, bao gồm nhưng không hạn định các điều như trong trường hợp có thể có nguy hiểm trong khu vực do thiên tai, chiến tranh, ôn dịch, tai nạn. Trong mọi trường hợp, các sự hạn chế sẽ được ban bố cho tất cả mọi người.

ĐIỀU 9: TỰ DO THÀNH LẬP HỘI ĐOÀN

Phần 1: Tất cả mọi người đều được quyền thành lập hội đoàn, xã đoàn, không cần xin phép chính phủ quốc gia và thành phố.

Phần 2: Tất cả hội đoàn, xã đoàn, đều phải tuân thủ Hiến pháp và các điều luật được chính phủ quốc gia và thành phố nơi họ hoạt động thông qua.



ĐIỀU 10: TÀI SẢN VÀ BẤT ĐỘNG SẢN CÁ NHÂN ĐỀU BẤT KHẢ XÂM PHẠM

- Phần 1:** Tài sản và bất động sản thuộc về cá nhân đều được quyền bất khả xâm phạm. Trong trường hợp ngoại lệ như khi có chiến tranh hoặc khi có sự tối cần thiết để phục vụ nhân dân, Quốc hội hoặc chính quyền địa phương có thể thông qua các điều khoản nhằm quốc hữu hóa tài sản và bất động sản cá nhân nhưng các tài sản này chỉ được phục vụ cho lợi ích quảng đại quần chúng mà thôi. Các sự đền bù thích ứng phải được trả cho các chủ tài sản cá nhân này.
- Phần 2:** Các cuộc lục soát chính thức chỉ có thể được thi hành khi một vị Thẩm phán cho phép, hoặc trong trường hợp khẩn cấp khi một sự chậm trễ sẽ gây thiệt hại về tài sản hoặc nhân mạng không thể vãn hồi. Các sự đền bù thích ứng phải được trả cho các chủ nhân tài sản nếu việc lục soát gây ra thiệt hại tài sản hoặc sức khỏe cho họ.



ĐIỀU 11: QUYỀN ĐƯỢC KIẾN TỤNG

- Phần 1:** Tất cả mọi người Việt Nam đều được quyền bất đồng ý kiến và phản đối công khai bất cứ điều khoản luật lệ nào, hoặc bất cứ công chức nào trong chính phủ quốc gia và thành phố. Tuy nhiên, tất cả mọi người Việt Nam đều phải tuân thủ các luật lệ này cho đến khi chúng được rút lại qua các phương cách thích hợp, hoặc phải tuân theo các điều lệnh trong các nghĩa vụ công quyền hợp pháp của các công chức đó cho đến khi họ bị dời đi khỏi chức vụ bởi một quyền lực hợp pháp.
- Phần 2:** Tất cả mọi người Việt Nam đều có quyền được kiến tụng để thay đổi các điều luật, hoặc thay thế bất cứ công chức nào, cho dù người đó có được bầu hay không, miễn là quá trình kiến tụng phải ôn hòa và qua các cấp chính quyền thích hợp.
- Phần 3:** Tất cả mọi người bất đồng ý kiến, phản đối, và kiến tụng trong Phần 1 và 2 của Điều luật này đều được bảo đảm rằng họ sẽ được Bản Hiến pháp bảo vệ khỏi bất cứ lời nói hoặc hành động trả thù nào bởi tất cả mọi viên chức chính phủ, các tổ chức, và thường dân khác.



ĐIỀU 12: HẠN ĐỊNH CỦA NHÂN QUYỀN

- Phần 1:** Một số viên chức nào đó trong chính quyền quốc gia và thành phố có thể không được hưởng tất cả mọi quyền lực kê ra trong Chương này, chẳng hạn như số người phục vụ trong quân đội sẽ bị hạn chế trong việc nói lên ý kiến họ về một số vấn đề an ninh quốc gia. Quốc hội sẽ thông qua các điều khoản luật lệ chi tiết được kê ra trong Phần 1 này.
- Phần 2:** Quốc hội sẽ thông qua các điều khoản luật lệ, bao gồm nhưng không hạn định trong việc bảo vệ quyền được tự vệ, tiêu chuẩn đạo đức, văn hóa, lễ nghi phép tắc. Các điều khoản luật lệ này sẽ đặt ranh giới xung quanh nhân quyền nhằm đem lại lợi ích tốt nhất cho số đông người nhất, trong khi không làm thiệt hại bất cứ nhân quyền nào của số người có ý kiến thiểu số.
- Phần 3:** Một nhân quyền nào đó có thể được hạn định bởi hoặc tùy theo một điều luật định, nhưng điều luật này sẽ áp dụng cho mọi người chứ không chỉ cho một số cá nhân riêng lẻ nào.



CHƯƠNG II: CÁC THÀNH PHỐ

- ĐIỀU 1:** Quyền lực tại Việt Nam sẽ được phân bố khắp địa phương, do đó nhân dân trong khắp 64 thành phố sẽ được quyền tự chọn ra lãnh đạo thành phố, đặt các sắc thuế riêng của thành phố, thông qua các điều luật riêng miễn là mọi việc đều phải hợp hiến và theo các điều luật quốc gia.
- ĐIỀU 2:** Trong mọi thành phố, người dân sẽ được đại diện bởi một chính quyền thành phố được chọn bởi các cuộc bỏ phiếu phổ thông, trực tiếp, tự do, công bằng, và kín đáo.
- ĐIỀU 3:** Các thành phố có quyền và trách nhiệm tự điều hành tất cả mọi vấn đề địa phương trong giới hạn luật pháp. Các hội đoàn địa phương cũng được quyền tự quản trị theo luật định, trong giới hạn hoạt động cho phép bởi luật pháp.
- ĐIỀU 4:** Mọi thành phố đều có quyền gởi một Dân biểu cho mỗi 250 ngàn dân, làm tròn đến số 250 ngàn gần nhất, đến Hội đồng Quốc gia, và tổng cộng 2 Thượng Nghị sĩ đến Thượng viện.

- ĐIỀU 5:** Các thành phố không được lập Hiệp ước, Khôi Liên minh, với bất cứ thành phố, lãnh thổ, quốc gia nào bên ngoài Việt Nam.
- ĐIỀU 6:** Các thành phố không được phép in tiền, bán công khổ phiếu, hoặc tự tạo ra bất cứ loại hình tiền tệ hoặc tín dụng nào.
- ĐIỀU 7:** Các thành phố không được phép thu thuế trên các mặt hàng hoặc sản phẩm đi ngang qua vùng đất của họ. Cũng không được đặt ra các loại thuế xuất nhập khẩu.
- ĐIỀU 8:** Các thành phố không được giữ quân đội, tàu chiến, hoặc có sự đồng thuận hay tương hỗ nào về mặt quân sự với bất cứ quốc gia nào, hoặc tự tham gia chiến tranh, trừ khi thật sự đã bị hoặc sắp bị xâm lăng. Trong các trường hợp đó, chính phủ quốc gia phải được thông báo trong vòng ba giờ đồng hồ sau khi việc đó xảy ra.
- ĐIỀU 9:** Tất cả chi phí hành chánh kể cả lương bổng của tất cả nhân viên chính quyền thành phố không được quá 10% ngân sách.



CHƯƠNG III: NGÀNH TƯ PHÁP

ĐIỀU 1: Tối cao Pháp viện sẽ có 9 vị Thượng Thẩm phán, với vị Tối Thượng Thẩm phán là vị được bầu lên bởi một tỉ lệ phiếu bầu cao nhất khi được bầu vào Tối cao Pháp viện, so với các vị Thượng Thẩm phán khác đang tại chức. Mỗi hai năm một lần, 3 chức vụ Thượng Thẩm phán được bầu lên. Các vị Thượng Thẩm phán chỉ có thể phục vụ tối đa hai nhiệm kỳ, mỗi nhiệm kỳ sáu năm.

ĐIỀU 2: QUYỀN LỰC CỦA TỐI CAO PHÁP VIỆN

Phần 1: Tối cao Pháp viện xem xét tất cả hoạt động của Văn phòng Tổng thống, Thượng viện, Hội đồng Quốc gia, và các chính quyền địa phương.

Phần 2: Trong trường hợp xét thấy có bất cứ sự vi phạm Hiến pháp nào từ các bộ phận đó, các vị Thượng Thẩm phán sẽ trước tiên là cho biết ý kiến, luôn luôn bằng văn bản, cảnh cáo về sự vi phạm. Nếu sự vi phạm đó tiếp tục, các vị Thượng Thẩm phán sẽ phải cho tiến hành một cuộc điều tra và việc này có thể dẫn đến sự Khiên trách, hoặc Yêu cầu Truất nhiệm nhân vật vi phạm.

- Phần 3:** Tối cao Pháp viện sẽ có quyền lực cao hơn hết tất cả mọi tòa án tại Việt Nam, trong việc xem xét tất cả các điều luật được thông qua trong cấp quốc gia và thành phố, cùng với các việc làm của Hành pháp, để quyết định xem các việc này có tuân thủ Bản Hiến pháp Thứ Bảy của Việt Nam hay không.
- Phần 4:** Tối cao Pháp viện sẽ có quyền lực giải thích mọi vấn đề xảy ra trước và sau khi có Bản Hiến pháp Thứ Bảy, về các bộ luật, và hiệp ước của Việt Nam.
- Phần 5:** Liên quan đến Phần 4 của Điều 2 tại đây, trong trường hợp một đa số trong Tối cao Pháp viện xét thấy rằng một điều luật hay hiệp ước nào đó được thông qua trước đây bởi Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam là vi phạm Bản Hiến pháp Thứ Bảy của Việt Nam, thì Tối cao Pháp viện sẽ đề nghị Quốc hội thay đổi điều luật này bằng một điều luật khác, hoặc đàm phán ký kết một hiệp ước khác vì điều luật hoặc hiệp ước cũ không còn hợp hiến nữa và do đó phải bị hủy bỏ.
- Phần 6:** Bởi một đa số sáu phiếu, các vị Thượng Thẩm phán có thể truất nhiệm một vị Thượng Thẩm phán ra khỏi Tối cao Pháp viện nếu vị này bị xét thấy có tội nặng hoặc có cách hành xử không thích hợp. Tổng thống, khi đó, sẽ có quyền đề cử một vị Thượng Thẩm phán khác để thay thế và vị này phải được Thượng viện đồng ý bởi một đa số phiếu. Vị này sẽ nhận nhiệm sở cho đến ngày Tổng Tuyển cử gần nhất, khi đó chức vụ này sẽ được bầu lại theo một nhiệm kỳ mới hoặc để chu toàn phần còn lại của nhiệm kỳ vị bị truất nhiệm nếu nhiệm kỳ này còn thêm vài năm.

ĐIỀU 3: LƯƠNG BỔNG VÀ ĐẶC QUYỀN CỦA CÁC THƯỢNG THẨM PHÁN

- Phần 1:** Trong thời gian nhiệm chức, các Thượng Thẩm phán không được có bất cứ chức vụ dân sự hoặc công quyền nào khác, hoặc nhận bất cứ lương bổng nào ngay cả cho các sự phục vụ dân sự hoặc công quyền trước khi được bầu vào chức vụ. Các lương bổng này phải được bỏ vào một quỹ phó thác, và được giao lại cho các Thượng Thẩm phán mười năm sau khi rời chức vụ. Nếu một vị Thượng Thẩm phán nào đó rời chức vụ do bị truất nhiệm, số lương bổng này sẽ được sử dụng cho lợi ích công cộng.
- Phần 2:** Các Thượng Thẩm phán không được nhận bất cứ chức vụ hoặc bất cứ lương bổng nào trong lãnh vực dân sự trong vòng mười năm sau khi rời chức vụ. Trong thời gian mười năm này, các Thượng Thẩm phán sẽ nhận 65% lương bổng theo trị giá lương nhận được lần cuối trong thời gian nhiệm chức.
- Phần 3:** Trong thời gian nhiệm chức và trong mười năm sau khi rời nhiệm sở, các Thượng Thẩm phán không được nhận bất cứ món quà, lương bổng, chức vụ, danh hiệu, từ bất cứ cá nhân hoặc bất cứ quốc gia nào. Một vài ngoại lệ đặc biệt có thể được cho phép trong từng trường hợp, và phải do phiếu bầu đa số tại Hội đồng Quốc gia cho phép.

- Phần 4:** Không một Thượng Thẩm phán nào, ngoại trừ trường hợp phản quốc hoặc trọng tội, bị cấm phát biểu ý kiến tại diễn đàn nhiệm sở họ đang phục vụ.
- Phần 5:** Không một Thượng Thẩm phán nào có thể bị truy tố, điều tra, bắt, giam giữ hoặc xử tội vì các ý kiến đưa ra hoặc phiếu bầu trong khi thi hành nhiệm vụ.
- Phần 6:** Trong khi các Thượng Thẩm phán còn trong nhiệm kỳ, tất cả các tổ tụng dân sự chông lại họ đều không được xem xét cho đến khi họ phục vụ xong nhiệm kỳ. Các giới hạn thời gian tổ tụng được ngưng lại trong thời gian họ còn trong nhiệm kỳ.
- Phần 7:** Việc miễn nhiệm được nhắc đến trong Phần 6 trên đây không áp dụng cho các cuộc tổ tụng hình sự, khi đó vị Thượng Thẩm phán có thể được tạm ngưng chức vụ theo một đa số phiếu bầu tại Hội đồng Quốc gia, ngõ hầu vị này có thể chông lại cuộc tổ tụng. Nếu được trắng án, vị này có thể trở lại làm việc nếu vẫn còn nhiệm kỳ. Nếu bị xét thấy có tội và bị phạt tù thì vị này phải từ chức.
- Phần 8:** Các Thượng Thẩm phán phải là công dân Việt Nam, tối thiểu 35 tuổi.



CHƯƠNG IV: NGÀNH LẬP PHÁP

ĐIỀU 1: QUYỀN HẠN CỦA NGÀNH LẬP PHÁP

- Phần 1:** Tất cả quyền hành Lập pháp quy thuộc về Quốc hội, bao gồm Thượng viện và Hội đồng Quốc gia. Quốc hội phải tuân thủ triệt để Bản Hiến pháp trong nhiệm vụ lập pháp.
- Phần 2:** Mỗi thành viên Quốc hội sẽ có một phiếu trong mỗi vấn đề được bầu trong Viện mà vị này đang phục vụ. Các thành viên Quốc hội phải tự bầu trực tiếp, và phiếu bầu được công bố công khai.

- Phần 3:** Thượng viện và Hội đồng Quốc gia đều có quyền bắt đầu tiến trình truất nhiệm Tổng thống bởi một đa số phiếu. Vị Tổng Thống Thẩm phán phải được thông báo ngay sau khi đa số phiếu truất nhiệm được thông qua. Trong vòng 7 ngày, tiến trình truất nhiệm sẽ bắt đầu hoạt động và sẽ kéo dài không quá 7 ngày.
- Phần 4:** Lá phiếu truất nhiệm Tổng thống phải được bầu bởi mọi thành viên Quốc hội. Một đa số từ 2/3 trở lên là cần thiết để thông qua. Nếu không có được đa số này thì việc truất nhiệm cho cùng một vấn đề sẽ không được bắt đầu lại trong vòng một năm sau ngày bỏ phiếu truất nhiệm.
- Phần 5:** Phán quyết trong trường hợp truất nhiệm Tổng thống sẽ không vượt quá việc buộc rời khỏi chức vụ, và mất quyền phục vụ trong mọi văn phòng, có tính danh dự, trọng tín nghĩa và có lợi nhuận tại Việt Nam. Vị Tổng thống bị truất nhiệm sẽ không chịu trách nhiệm và không là mục tiêu cho các cuộc tố cáo, định tội, và trừng phạt khác.



ĐIỀU 2: ĐIỀU LỆ CỦA NGÀNH LẬP PHÁP

- Phần 1:** Thượng viện, trước khi bắt đầu làm việc, phải chọn trong số các Thượng Nghị sĩ một vị làm Phát Ngôn Viên Thượng viện, và khi vị này vì lý do nào đó phải từ chức thì Thượng viện sẽ chọn ra một vị khác làm việc này.
- Phần 2:** Khi một Thượng Nghị sĩ muốn từ chức, vị này phải thông báo cho Phát Ngôn Viên Thượng viện biết. Nếu Phát Ngôn Viên Thượng viện muốn từ chức, vị này phải thông báo cho toàn bộ Thượng viện biết.
- Phần 3:** Ghé Thượng Nghị sĩ có thể bị bỏ trống nếu một Thượng Nghị sĩ nào đó vắng mặt 61 lần bỏ phiếu trở lên trong nhiệm kỳ. Trong vòng 30 ngày, thành phố mà vị đó đại diện phải gửi lên cho Thượng viện một Thượng Nghị sĩ khác, nếu không ghé này sẽ để trống đến kỳ Tổng Tuyển cử sau.
- Phần 4:** Thượng viện sẽ tự tổ chức các Ủy ban và bầu ra các Chủ tịch các Ủy ban này, theo phiếu bầu đa số.



- Phần 5:** Hội đồng Quốc gia, trước khi bắt đầu làm việc, phải chọn trong số các Dân biểu một vị làm Phát Ngôn Viên Hội đồng Quốc gia, và khi vị này vì lý do nào đó phải từ chức thì Hội đồng Quốc gia sẽ chọn ra một vị khác làm việc này.
- Phần 6:** Khi một Dân biểu muốn từ chức, vị này phải thông báo cho Phát Ngôn Viên Hội đồng Quốc gia biết. Nếu Phát Ngôn Viên Hội đồng Quốc gia muốn từ chức, vị này phải thông báo cho toàn bộ Hội đồng Quốc gia biết.
- Phần 7:** Ghế Dân biểu có thể bị bỏ trống nếu một Dân biểu nào đó vắng mặt 31 lần bỏ phiếu trở lên trong nhiệm kỳ. Trong vòng 30 ngày, thành phố mà vị đó đại diện phải gọi lên cho Hội đồng Quốc gia một Dân biểu khác, nếu không ghế này sẽ để trống đến kỳ Tổng Tuyển cử sau.
- Phần 8:** Hội đồng Quốc gia sẽ tự tổ chức các Ủy ban và bầu ra các Chủ tịch các Ủy ban này, theo phiếu bầu đa số.



ĐIỀU 3: LƯƠNG BỔNG VÀ ĐẶC QUYỀN CỦA NGÀNH LẬP PHÁP

- Phần 1:** Không một Thượng Nghị sĩ hoặc Dân biểu nào trong thời gian nhiệm chức được quyền giữ thêm bất cứ chức vụ dân sự hoặc công quyền nào khác, hoặc nhận bất cứ lương bổng nào ngay cả cho các sự phục vụ dân sự hoặc công quyền trước khi được bầu vào chức vụ. Các lương bổng này phải được bỏ vào một quỹ phó thác, và được giao lại cho đương sự mười năm sau khi rời chức vụ. Nếu đương sự rời chức vụ do bị truất nhiệm, số lương bổng này sẽ được sử dụng cho lợi ích công cộng.
- Phần 2:** Không một Thượng Nghị sĩ hoặc Dân biểu nào được nhận bất cứ chức vụ hoặc bất cứ lương bổng nào trong lãnh vực dân sự trong vòng mười năm sau khi thôi chức vụ tại Quốc hội. Trong thời gian mười năm này, các vị này sẽ nhận 65% lương bổng theo trị giá lương nhận được lần cuối tại Quốc hội.
- Phần 3:** Không một Thượng Nghị sĩ hoặc Dân biểu nào trong thời gian nhiệm chức và trong mười năm sau khi rời nhiệm sở được phép nhận bất cứ món quà, lương bổng, chức vụ, danh hiệu, từ bất cứ cá nhân hoặc bất cứ quốc gia nào. Một vài ngoại lệ đặc biệt có thể được cho phép trong từng trường hợp, và phải do phiếu bầu đa số tại nhiệm sở họ đang phục vụ.



- Phần 4:** Không một Thượng Nghị sĩ hoặc Dân biểu nào, ngoại trừ trường hợp phản quốc hoặc trọng tội, bị cấm phát biểu ý kiến tại diễn đàn nhiệm sở họ đang phục vụ.
- Phần 5:** Một vị Thượng Nghị sĩ hoặc Dân biểu chỉ có thể bị truất nhiệm bằng một trong hai cách: (1) bằng 2/3 số phiếu đồng ý truất nhiệm bởi dân chúng trong thành phố họ, hoặc (2) bởi 2/3 số phiếu đồng ý truất nhiệm bởi các Thượng Nghị sĩ hoặc Dân biểu nơi họ đang phục vụ.
- Phần 6:** Phó Tổng thống sẽ là Chủ tịch Thượng viện, nhưng không được bỏ phiếu trừ khi có số phiếu Thuận và Chống bằng nhau.
- Phần 7:** Thủ tướng sẽ là Chủ tịch Hội đồng Quốc gia, nhưng không được bỏ phiếu trừ khi có số phiếu Thuận và Chống bằng nhau.



- Phần 8:** Không một nhân vật Quốc hội nào có thể bị truy tố, điều tra, bắt, giam giữ hoặc xử tội vì các ý kiến đưa ra hoặc phiếu bầu trong khi thi hành nhiệm vụ.
- Phần 9:** Trong khi các nhân vật Quốc hội còn trong nhiệm kỳ, tất cả các tố tụng dân sự chống lại họ đều không được xem xét cho đến khi họ phục vụ xong nhiệm kỳ. Các giới hạn thời gian tố tụng được ngưng lại trong thời gian họ còn trong nhiệm kỳ.
- Phần 10:** Việc miễn nhiệm được nhắc đến trong Phần 10 trên đây không áp dụng cho các cuộc tố tụng hình sự, khi đó nhân vật Quốc hội có thể được tạm ngưng chức vụ theo một đa số phiếu bầu trong Viện vị đó đang phục vụ, ngõ hầu vị này có thể chống lại cuộc tố tụng. Nếu được trắng án, vị này có thể trở lại làm việc nếu vẫn còn nhiệm kỳ. Nếu bị xét thấy có tội và bị phạt tù thì vị này phải từ chức.
- Phần 11:** Các Thượng Nghị sĩ và Dân biểu phải là công dân Việt Nam, ít nhất 30 tuổi, và không cần phải từng sống trong thành phố họ đang đại diện.



CHƯƠNG V

NGÀNH HÀNH PHÁP

ĐIỀU 1: NHIỆM VỤ CỦA TỔNG THỐNG

- Phần 1:** Nhiệm vụ chính của Tổng thống như là Nhân viên phục vụ hàng đầu của Việt Nam sẽ là đứng đầu ngành Hành pháp qua việc thực thi các điều luật do Quốc hội thông qua. Trong tiến trình này, Tổng thống phải bảo đảm tất cả mọi điều luật, và lệnh hành pháp ông đưa ra, phải tuân theo Hiến pháp. Khi có nảy sinh nghi vấn về một điều luật nào đó, hay một lệnh hành pháp nào đó có hợp hiến hay không, Tổng thống phải gửi lời yêu cầu được giải thích qua Tối cao Pháp viện. Trong các trường hợp như vậy, Tổng thống sẽ phải tuân theo lời giải thích theo ý kiến đa số tại Tối cao Pháp viện.
- Phần 2:** Tổng thống phải đứng ra bảo đảm cho nền độc lập quốc gia, toàn vẹn lãnh thổ, và thực thi các bản hiệp ước.
- Phần 3:** Trừ khi có điều bất đồng, Tổng thống phải phê chuẩn và thực thi các Nghị quyết Quốc hội trong vòng 15 ngày sau khi được thông qua.



- Phần 4:** Liên quan đến Phần 3, Điều 1 trên đây, trước thời hạn 15 ngày sau khi được Quốc hội thông qua, Tổng thống có quyền yêu cầu Quốc hội tái tranh luận toàn bộ hoặc một phần bản Nghị quyết. Các lời yêu cầu như vậy phải được Quốc hội chấp thuận.
- Phần 5:** Liên quan đến Phần 3, Điều 1 trên đây, Tổng thống không thể thay đổi bất cứ điểm nào trong Nghị quyết Quốc hội, nhưng có thể phủ quyết toàn bộ. Trong trường hợp Tổng thống phủ quyết, nếu có số phiếu thuận ít nhất 2/3 tổng số phiếu, Quốc hội có thể bác bỏ quyền phủ quyết của Tổng thống. Nếu bị bác bỏ quyền phủ quyết trong Nghị quyết đang tranh cãi, Tổng thống phải ký tên phê chuẩn bản Nghị quyết để trở thành Luật, và phải ban hành, thực thi điều Luật này không được chậm trễ.
- Phần 6:** Tổng thống phải điều đình các hiệp ước quốc tế, bằng cách chủ tọa các ủy ban đặc biệt. Các ủy ban này có trách nhiệm trông coi các vấn đề thường ngày. Tổng thống phải tham khảo thường xuyên với các ủy ban thích hợp tại Thượng viện, ngõ hầu sau khi được thỏa thuận các hiệp ước này sẽ được thông qua mau chóng tại Thượng viện.



- Phần 7:** Tổng thống có quyền hành, bởi và với sự tư vấn và đồng ý của Thượng viện, lập các bản hiệp ước quốc tế, với điều kiện được Thượng viện thông qua với số phiếu thuận đạt ít nhất 2/3 tổng số phiếu. Ngoài ra Tổng thống cũng, bởi và với sự tư vấn và đồng ý của Thượng viện, chỉ định đại sứ và lãnh sự đại diện cho Việt Nam trên khắp thế giới.
- Phần 8:** Tổng thống là Tổng Tư Lệnh của quân đội. Tổng thống chủ trì các ủy ban và hội đồng quốc phòng tối cao. Tổng thống có quyền phủ quyết trong việc tăng chức, thay thế, hoặc truất nhiệm các tướng lãnh quân đội theo sự đề nghị của Thủ tướng.
- Phần 9:** Tổng thống có quyền khởi động can thiệp quân sự chống lại một quốc gia khác.
- Phần 10:** Liên quan đến Phần 9, Điều I trên đây, Tổng thống phải thông báo cho Quốc hội về quyết định quân sự trong vòng 3 ngày sau khi việc đó xảy ra. Trong vòng 7 ngày, một đa số 2/3 tại cuộc họp khoáng đại lưỡng viện Quốc hội sẽ công bố ủng hộ hoặc không ủng hộ quyết định dùng quân sự của Tổng thống.



- Phần 11:** Liên quan đến Phần 10, Điều 1 trên đây, nếu một quyết định không ủng hộ được Quốc hội công bố, Tổng thống sẽ có 7 ngày để làm việc với Quốc hội về các khác biệt quan điểm. Nếu sau 7 ngày vẫn không có được sự đồng thuận, một cuộc trưng cầu dân ý toàn quốc sẽ được tổ chức trong vòng 14 ngày xem có nên tiếp tục chiến tranh hay không. Kết quả cuộc trưng cầu dân ý sẽ là quyết định cuối cùng, cả Quốc hội và Tổng thống phải tuân lệnh nhân dân, không được chậm trễ.
- Phần 12:** Vào bất kỳ thời điểm nào, Tổng thống hoặc 2/3 đa số tại Quốc hội đều có thể quyết định tổ chức một cuộc trưng cầu dân ý xảy ra 30 ngày sau quyết định đó. Một đa số 2/3 trở lên của cuộc trưng cầu dân ý sẽ là kết quả cuối cùng của mọi vấn đề quốc gia.
- Phần 13:** Chỉ Tổng thống mới có quyền thay thế Thủ tướng. Trong vòng 30 ngày sau khi được bầu lên, Tổng thống vừa được bầu phải chỉ định xong tất cả mọi Bộ trưởng trong chính phủ. Trước Ngày Đăng Danh tức là ngày thứ Ba lần hai trong tháng Giêng của năm sau cuộc bầu cử, tất cả các Bộ trưởng sẽ phải hoàn tất việc nhận nhiệm sở của họ.
- Phần 14:** Bất cứ khi nào có ghế trống trong chức vụ Phó Tổng thống, Tổng thống phải đề cử một Phó Tổng thống khác và vị này sẽ phải được đa số phiếu thuận tại Lưỡng viện Quốc hội thông qua mới có thể nhiệm chức.

ĐIỀU 2: ĐIỀU LỆ CỦA CHỨC VỤ TỔNG THỐNG

- Phần 1:** Tổng thống, Phó Tổng thống, và Thủ tướng phải cùng chung một liên danh ứng cử.
- Phần 2:** Tổng thống chỉ có thể tái ứng cử một lần.
- Phần 3:** Trong trường hợp Tổng thống rời khỏi chức vụ do bị truất nhiệm, qua đời, hoặc từ chức, Phó Tổng thống sẽ trở thành Tổng thống.
- Phần 4:** Bất cứ khi nào Tổng thống viết cho Phát Ngôn viên Thượng viện và Hội đồng Quốc gia về việc ông không đủ khả năng tiếp tục đảm đương các trọng trách, Phó Tổng thống sẽ tiếp nhận chức Tổng thống Tam nhiệm, cho đến khi Lưỡng viện Quốc hội bầu chấp thuận hoặc từ chối việc Tổng thống từ chức. Một đa số 2/3 sẽ cần thiết cho một trong hai quyết định này.



Phần 5: Sự truyền nối của chức vụ Tổng thống như sau: Phó Tổng thống, Phát Ngôn viên Thượng viện, Phát Ngôn viên Hội đồng Quốc gia, Tối Thượng Thẩm phán, và tám vị Thượng Thẩm phán theo phân trăm từ cao xuống thấp của số phiếu bầu nhận được khi được bầu vào chức vị.

Phần 6: Liên quan đến Phần 5, Điều 2, trên đây, Tổng thống mới sẽ chỉ định Phó Tổng thống mới trong cùng một đảng chính trị của Tổng thống được nhân dân bầu lên, và vị Phó Tổng thống này sẽ phải được đa số phiếu thuận tại Lưỡng viện Quốc hội thông qua mới có thể nhiệm chức.

Phần 7: Tất cả chi phí hành chánh kể cả lương bổng của tất cả nhân viên chính phủ quốc gia không được quá 10% ngân sách.

ĐIỀU 3: LƯƠNG BỔNG VÀ ĐẶC QUYỀN TỔNG THỐNG

Phần 1: Trong thời gian nhiệm chức, Tổng thống không được có bất cứ chức vụ dân sự hoặc công quyền nào khác, hoặc nhận bất cứ lương bổng nào ngay cả cho các sự phục vụ dân sự hoặc công quyền trước khi được bầu vào chức vụ. Các lương bổng này phải được bỏ vào một quỹ phò thác, và được giao lại cho Tổng thống mười năm sau khi rời chức vụ. Nếu Tổng thống rời chức vụ do bị truất nhiệm, số lương bổng này sẽ được sử dụng cho lợi ích công cộng.

- Phần 2:** Tổng thống không được nhận bất cứ chức vụ hoặc bất cứ lương bổng nào trong lãnh vực dân sự trong vòng mười năm sau khi rời chức vụ. Trong thời gian mười năm này, Tổng thống sẽ nhận 65% lương bổng theo trị giá lương nhận được lần cuối trong thời gian nhiệm chức.
- Phần 3:** Trong thời gian nhiệm chức và trong mười năm sau khi rời nhiệm sở, Tổng thống không được nhận bất cứ món quà, lương bổng, chức vụ, danh hiệu, từ bất cứ cá nhân hoặc bất cứ quốc gia nào. Một vài ngoại lệ đặc biệt có thể được cho phép trong từng trường hợp, và phải do phiếu bầu đa số tại Hội đồng Quốc gia cho phép.
- Phần 4:** Chỉ với một đa số 2/3 tại Lưỡng viện Quốc hội mới có thể truất nhiệm Tổng thống. Việc này phải được vị Tối Thượng Thẩm phán chủ tọa.
- Phần 5:** Tổng thống phải là công dân Việt Nam, tối thiểu 35 tuổi.



CHƯƠNG VI

CHỨC VỤ THỦ TƯỚNG

ĐIỀU 1: NHIỆM VỤ CỦA THỦ TƯỚNG

- Phần 1:** Thủ tướng, dưới sự giám sát của Tổng thống, điều hành tất cả công việc nội bộ của Việt Nam.
- Phần 2:** Thủ tướng là Phó Tổng Tư lệnh quân đội, có nhiệm vụ giám sát Thống tướng Tư lệnh quân đội.
- Phần 3:** Thủ tướng bảo đảm việc thi hành luật pháp trong quốc gia.
- Phần 4:** Thủ tướng có quyền đặt ra quy tắc, điều lệ, căn cứ theo các điều luật đã được Quốc hội thông qua. Thủ tướng có quyền chỉ định các chức vụ trong chính phủ và quân đội, bao gồm các Bộ trưởng và Tướng lĩnh.
- Phần 5:** Thủ tướng có quyền đề xướng các bộ luật.

ĐIỀU 2: LƯƠNG BỔNG VÀ ĐẶC QUYỀN THỦ TƯỚNG

- Phần 1:** Trong thời gian nhiệm chức, Thủ tướng không được có bất cứ chức vụ dân sự hoặc công quyền nào khác, hoặc nhận bất cứ lương bổng nào ngay cả cho các sự phục vụ dân sự hoặc công quyền trước khi được bầu vào chức vụ. Các lương bổng này phải được bỏ vào một quỹ phó thác, và được giao lại cho Thủ tướng mười năm sau khi rời chức vụ. Nếu Thủ tướng rời chức vụ do bị truất nhiệm, số lương bổng này sẽ được sử dụng cho lợi ích công cộng.
- Phần 2:** Thủ tướng không được nhận bất cứ chức vụ hoặc bất cứ lương bổng nào trong lãnh vực dân sự trong vòng mười năm sau khi rời chức vụ. Trong thời gian mười năm này, Thủ tướng sẽ nhận 65% lương bổng theo trị giá lương nhận được lần cuối trong thời gian nhiệm chức.
- Phần 3:** Trong thời gian nhiệm chức và trong mười năm sau khi rời nhiệm sở, Thủ tướng không được nhận bất cứ món quà, lương bổng, chức vụ, danh hiệu, từ bất cứ cá nhân hoặc bất cứ quốc gia nào. Một vài ngoại lệ đặc biệt có thể được cho phép trong từng trường hợp, và phải do phiếu bầu đa số tại Hội đồng Quốc gia cho phép.
- Phần 4:** Chỉ Tổng thống mới có quyền truất nhiệm Thủ tướng.
- Phần 5:** Thủ tướng phải là công dân Việt Nam, tối thiểu 35 tuổi.

CHƯƠNG VII

BỘ AN NINH QUỐC GIA

- ĐIỀU 1:** Bộ An ninh Quốc gia có nhiệm vụ bảo vệ an ninh quốc gia, không liên quan đến chính trị và nhân vật nào đang giữ quyền lực trong quốc gia.
- ĐIỀU 2:** Bộ An ninh Quốc gia không được có ý kiến đảng phái. Các cấp lãnh đạo không thuộc dân sự của Bộ An ninh Quốc gia phải chưa từng giữ bất cứ chức vụ đảng phái nào do các đảng chính trị cấp cho, và không được tranh cử vào bất cứ chức vụ chính trị nào trong vòng mười năm sau khi rời Bộ An ninh Quốc gia vì bất cứ lý do nào.
- ĐIỀU 3:** Bộ trưởng và Thứ trưởng của Bộ An ninh Quốc gia, được chọn bởi Tổng thống, phải thuộc thành phần dân sự, không làm việc tại bất cứ ngành nào thuộc ba ngành của Bộ An ninh Quốc gia trong vòng mười năm trước khi nhận chức.
- ĐIỀU 4:** Tổng thống bị nghiêm cấm triệt để trong việc sử dụng Bộ An ninh Quốc gia cho lợi ích riêng hoặc lợi ích của đảng phái Tổng thống. Nếu vi phạm, việc này sẽ là lý do để Quốc hội điều tra độc lập và nếu xét thấy có tội, Tổng thống có thể bị truất nhiệm bởi đa số 2/3 tại Quốc hội.

ĐIỀU 5: Ít nhất 20% ngân sách quốc gia và thành phố phải được chi dụng vào các ngành bảo vệ an ninh quốc gia.

ĐIỀU 6: BA NGÀNH CỦA BỘ AN NINH QUỐC GIA

Phần 1: Quân đội

- 1.1. Quân đội được chia ra làm năm nhánh: Hải quân, Lục quân, Không quân, Quân đội Biệt động, và Nội vụ Quân đội.
- 1.2. Mỗi nhánh sẽ có Tư lệnh riêng, là một vị Tướng 4 sao.
- 1.3. Vị Thống tướng Tư lệnh sẽ được Thủ tướng chọn ra. Chỉ có một vị Thống tướng Tư lệnh 5 sao duy nhất vào bất cứ thời điểm nào, là vị Tướng cai quản toàn bộ 5 nhánh quân đội và báo cáo trực tiếp lên Thủ tướng.
- 1.4. Quyền lực và giới hạn quyền lực của Quân đội sẽ được Quốc hội thông qua bằng các điều luật.

Phần 2: Cảnh sát

- 2.1. Lực lượng cảnh sát được chia ra làm 4 nhánh: Cảnh sát Quốc gia, Cảnh sát Địa phương, Cảnh sát Đặc nhiệm, và Nội vụ Cảnh sát.
- 2.2. Quyền lực và giới hạn quyền lực của các Lực lượng Cảnh sát sẽ được Quốc hội thông qua bằng các điều luật.

Phần 3: Lực lượng Phản gián Việt Nam

- 3.1. Lực lượng phản gián Việt Nam có nhiệm vụ bảo vệ an ninh cho Việt Nam ở mức độ ngầm và bí mật.
- 3.2. Vị Giám đốc cơ quan phản gián Việt Nam phải được chọn bởi Tổng thống, và báo cáo trực tiếp lên Tổng thống.
- 3.3. Quyền lực và giới hạn quyền lực của Lực lượng Phản gián Việt Nam sẽ được Quốc hội thông qua bằng các điều luật.

CHƯƠNG VIII

TỔNG TUYÊN CỬ VÀ TRUNG CẦU DÂN Ý

- ĐIỀU 1:** Ngoại trừ trường hợp có chiến tranh, thiên tai, hoặc quốc gia nguy biến, trong các trường hợp này Quốc hội sẽ ra điều luật để bầu vào một ngày khác, thông thường ngày thứ Ba đầu tiên của tháng 10 trong năm chẵn sẽ là ngày Tiên Tổng tuyên cử, và thứ Ba đầu tiên của tháng 11 tiếp theo sau đó là ngày Tổng tuyên cử.
- ĐIỀU 2:** Các cuộc bầu cử sẽ theo nguyên tắc tự nguyện, trực tiếp, phổ thông, bình đẳng, và kín đáo. Không ai có thể biết một cử tri nào đó đã bầu thuận hoặc chống lại ứng cử viên nào, thuận hoặc chống điều khoản trung cầu dân ý nào.
- ĐIỀU 3:** Mọi công dân Việt Nam, từ 18 tuổi trở lên và đang có quyền công dân đầy đủ, đều có quyền bầu (a) một phiếu cho mỗi chức vụ công quyền đang được tranh cử và (b) một phiếu cho mỗi vấn đề đang được trung cầu dân ý.

ĐIỀU 4: Trong ngày Tiên Tổng tuyển cử, các cử tri sẽ bầu chọn ứng cử viên cho Tối cao Pháp viện, Thượng viện, Hội đồng Quốc gia, và Tổng thống. Mỗi địa hạt bầu cử chỉ có thể chọn ứng cử viên trong địa hạt vào Thượng viện và Hội đồng Quốc gia. Ứng cử viên vào chức Thượng Thẩm phán và Tổng thống là cho toàn quốc. Các cử tri cũng sẽ chọn điều khoản nào sẽ được đưa vào cuộc trưng cầu dân ý vào ngày Tổng tuyển cử.

ĐIỀU 5: Ngay sau khi Bản Hiến pháp này được phê chuẩn:

Phần 1: Trong cuộc Tiên Tổng tuyển cử lần đầu tiên, các cử tri sẽ chọn ra 18 ứng viên cho chức Thượng Thẩm phán, 4 ứng viên Dân biểu cho mỗi 250 ngàn dân, 8 ứng viên Thượng Nghị sĩ cho mỗi thành phố, 4 ứng viên cho chức Tổng thống, và các điều khoản Trưng cầu Dân ý.

Phần 2: Sau kỳ Tổng Tuyển cử, 3 vị Thượng Thẩm phán có số phiếu cao nhất sẽ nhận nhiệm kỳ 6 năm, 3 vị có số phiếu cao kế tiếp nhận nhiệm kỳ 4 năm, và 3 vị có số phiếu cao kế tiếp nhận nhiệm kỳ 2 năm. Ứng viên Dân biểu có số phiếu cao nhất trong 4 ứng viên cho mỗi địa hạt bầu cử sẽ nhận nhiệm kỳ 2 năm. Ứng viên Thượng Nghị sĩ có số phiếu cao nhất trong 8 ứng viên cho mỗi thành phố sẽ nhận nhiệm kỳ 4 năm, ứng viên Thượng Nghị sĩ có số phiếu cao kế tiếp nhận nhiệm kỳ 2 năm. Ứng viên Tổng thống có số phiếu cao nhất sẽ nhận chức Tổng thống. Các điều khoản Trưng cầu Dân ý với phiếu thuận ít nhất 67% trên tổng số phiếu bầu sẽ trở thành Luật.



ĐIỀU 6: Trong các cuộc Tuyển cử bình thường sau lần đặc biệt đầu tiên:

Phần 1: Trong cuộc Tiên Tổng tuyển cử, mỗi hai năm một lần các cử tri sẽ chọn ra 6 ứng viên cho chức Thượng Thẩm phán, 4 ứng viên Dân biểu cho mỗi 250 ngàn dân, 4 ứng viên Thượng Nghị sĩ cho mỗi thành phố, các điều khoản Trung cầu Dân ý, và mỗi bốn năm một lần 4 ứng viên cho chức Tổng thống,

Phần 2: Sau kỳ Tổng Tuyển cử, 3 vị Thượng Thẩm phán có số phiếu cao nhất sẽ nhận nhiệm kỳ 6 năm. Ứng viên Dân biểu có số phiếu cao nhất trong mỗi địa hạt bầu cử sẽ nhận nhiệm kỳ 2 năm. Ứng viên Thượng Nghị sĩ có số phiếu cao nhất trong mỗi thành phố sẽ nhận nhiệm kỳ 4 năm. Các điều khoản Trung cầu Dân ý với phiếu thuận ít nhất 67% trên tổng số phiếu bầu sẽ trở thành Luật. Nếu có cuộc bầu Tổng thống, ứng viên Tổng thống có số phiếu cao nhất sẽ nhận chức Tổng thống.

ĐIỀU 7: Thượng viện sẽ bao gồm Thượng Nghị sĩ từ mỗi thành phố, được chọn trực tiếp bởi nhân dân thành phố.

ĐIỀU 8: Mỗi thành phố, không liên quan đến diện tích và ảnh hưởng, đều được gởi hai Thượng Nghị sĩ vào Thượng viện, vị này sau vị kia hai năm, mỗi nhiệm kỳ bốn năm.



ĐIỀU 9: Các Thượng Nghị sĩ không được phục vụ quá hai nhiệm kỳ.

ĐIỀU 10: Hội đồng Quốc gia sẽ bao gồm các Dân biểu từ mỗi khu vực bầu cử, được trực tiếp bầu lên bởi dân trong khu vực họ đại diện.

ĐIỀU 11: Mỗi thành phố sẽ chọn một Dân biểu cho mỗi 250 ngàn người dân, làm tròn số 250 ngàn gần nhất.

ĐIỀU 12: Các Dân biểu không được phục vụ quá bốn nhiệm kỳ.

ĐIỀU 13: Các bất đồng ý kiến về bầu cử phải được gửi cho Tối cao Pháp viện để được điều tra.

ĐIỀU 14: Nếu các bất đồng này liên quan đến một hoặc vài vị Thượng Thẩm phán, vị hoặc các vị này sẽ thôi lui khỏi các cuộc điều tra và bỏ phiếu. Các vị Thượng Thẩm phán còn lại sẽ bỏ phiếu, và nếu kết quả hòa thì Tổng thống sẽ bỏ lá phiếu quyết định. Mọi quyết định trong tiến trình này đều tối hậu.

ĐIỀU 15: Trước ngày Tổng Tuyển cử, nếu bất cứ ứng cử viên nào qua đời hoặc bị tàn tật hay tự rút lui khỏi cuộc bầu cử, đảng phái vị đó sẽ chỉ định một ứng cử viên thay thế trong danh sách cho ngày Tổng Tuyển cử Toàn quốc.

CHƯƠNG IX

TÌNH TRẠNG HỢP PHÁP CỦA BẢN HIẾN PHÁP THỨ BẢY

- ĐIỀU 1:** Nếu được phê chuẩn bởi một đa số 2/3 trên tất cả cử tri Việt Nam tại Việt Nam và khắp mọi nơi trên thế giới, Bản Hiến pháp Thứ Bảy của Việt Nam sẽ thay thế Bản Hiến pháp của Cộng Hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam, phê chuẩn năm 1992.
- ĐIỀU 2:** Tất cả mọi điều khoản luật lệ và hiệp ước được phê chuẩn theo Bản Hiến pháp mới sẽ thay thế các điều luật được phê chuẩn theo Bản Hiến pháp trước đây.
- ĐIỀU 3:** Mọi người dân có quốc tịch Việt Nam do sinh ra hay do nhập tịch, hoặc là đối tượng của phạm vi quyền hạn như vậy, đều là công dân Việt Nam và của thành phố nơi họ đang cư ngụ.
- ĐIỀU 4:** Mọi món nợ đã được cam kết hoặc ghi nhận tại Việt Nam trước khi Bản Hiến pháp này được phê chuẩn đều tiếp tục có giá trị tại Việt Nam dưới quyền hạn của Bản Hiến pháp Thứ Bảy này.



- ĐIỀU 5:** Các bản Hiệp định Hòa bình, Thỏa ước Thương mại, hiệp định và thỏa ước hiện hành có liên quan đến các tổ chức quốc tế đã cam kết tài chánh cho các thành phố, các bản án cho các tù nhân và tù nhân lương tâm, đều sẽ được xem xét lại bởi Quốc hội.
- ĐIỀU 6:** Việt Nam công nhận quyền hạn của Tòa án Hình sự Quốc tế, theo bản Hiệp ước được ban hành ngày 18 tháng 7 năm 1998.
- ĐIỀU 7:** Việt Nam công nhận và sẽ tôn trọng tuyệt đối Bản Thỏa ước Nhân quyền của Liên Hiệp Quốc, hiệu đính lần gần đây nhất vào năm 1997.
- ĐIỀU 8:** Các Hiệp định có liên quan trực tiếp đến toàn vẹn lãnh thổ được phê chuẩn dưới các Bản Hiến pháp trước đây sẽ được tái tra xét bởi Quốc hội. Trừ khi một đa số 2/3 Quốc hội bỏ phiếu đồng ý, các bản hiệp định này sẽ bị xem như vi hiến và vì vậy sẽ bị hủy bỏ.
- ĐIỀU 9:** Tất cả Thượng Nghị sĩ và Dân biểu, và mọi nhân viên Hành pháp và Tư pháp, thuộc chính phủ quốc gia và chính quyền thành phố, đều phải tuyên thệ và cam kết tuân thủ Bản Hiến pháp Thứ Bảy này.
- ĐIỀU 10:** Quốc hội có quyền thi hành Bản Hiến pháp bằng cách ban hành các điều luật thích hợp.

CHƯƠNG X

TIỀN TRÌNH TU CHÍNH HIẾN PHÁP

- ĐIỀU 1:** Mọi Tu chính Hiến pháp chỉ có thể được nhân dân Việt Nam phê chuẩn trong một cuộc Trưng cầu Dân ý toàn quốc, khi một đa số phiếu 2/3 sẽ quyết định thông qua hoặc không thông qua một Tu chính Hiến pháp.
- ĐIỀU 2:** Tổng thống, hoặc một đa số 2/3 trong các vị Thượng Thẩm phán hoặc Quốc hội, đều có thể đề nghị Tu chính Hiến pháp.
- ĐIỀU 3:** Trong vòng 30 ngày kể từ khi một Tu chính Hiến pháp được nhân dân phê chuẩn, cả Tam quyền trong chính phủ phải bắt đầu các tu sửa cần thiết để tuân thủ việc Tu chính này.



CHƯƠNG XI

VIỆC PHÊ CHUẨN HIẾN PHÁP

Duy nhất chỉ nhân dân Việt Nam, với đa số 2/3 trên tổng số phiếu bầu, mới có quyền hành tối thượng trong việc phê chuẩn hoặc không phê chuẩn Bản Hiến pháp Thứ Bảy của Việt Nam.